TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **29**/2018/QĐST-HNGĐ	*Ngân Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn chị **Triệu Thị X**, sinh năm 1998 – Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

- Bị đơn anh **Triệu Phú Z**, sinh năm 1992 – Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Triệu Thị X và bị đơn anh Triệu Phú Z.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Triệu Thị Xvà bị đơn anh Triệu Phú Z

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, giao con chung là cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 22/11/2016 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Triệu Thị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung cháu Triệu Quốc A đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự nhất trí thỏa thuận, bị đơn anh Triệu Phú Z có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Triệu Phú Z theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị X tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Triệu Thị X đã nộp theo biên lai thu số: 08061, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh D. Chị Triệu Thị X được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn anh Triệu Phú Z phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- VKSND huyện C (02b);
- Các đương sự (01b);
- Chi cục THADS huyện C (01b);

- TAND tỉnh D (01b);
- UBND xã B (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu.

Trần Quốc Doanh